

Số: 14/2024/QĐST –HNGĐ

Ngày 28/03/2024

“V/v yêu cầu hủy kết hôn trái
pháp luật”

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH H
Với thành phần phiên họp sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu H1.

Thư ký Tòa án ghi biên bản: Bà Vũ Nhật L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên họp: Bà Đặng Thị H2 -
Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K mở phiên họp công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình “*Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật*”, thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2024, theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/03/2024 đối với:

***/ Cơ quan yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Ủy ban nhân dân xã H3, huyện K.

Người đại diện: Ông Đỗ Xuân D – Phó Chủ tịch UBND xã H3. (Vắng mặt có lý do)

- **Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Bùi Hữu M, sinh năm 1977;

2. Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1977.

Đều trú tại: Thôn C, xã H3, huyện K, tỉnh H.

***/ Người làm chứng:** bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1955. Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn C, xã H3, huyện K, tỉnh H.

(Đều vắng mặt có lý do)

NHẬN THẤY

Tại công văn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 01/03/2024 và các tài liệu chứng cứ kèm theo, người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã H3, huyện K, tỉnh H (viết tắt là UBND xã H3) trình bày: Quá trình rà soát lại các trường hợp đăng ký kết hôn tại địa phương, UBND xã H3 đã phát hiện có sai sót về tên, tuổi của anh M và tuổi của chị P trong đăng ký kết hôn số: số 58, quyền số 01, ngày 25/09/1996 của UBND xã H3 đối với anh anh Bùi Hữu M, sinh năm 1977 và chị Đỗ Thị P, sinh năm 1977. Cụ thể, tại đăng ký kết hôn của anh M, chị P có ghi chị P sinh ngày 05/08/1977 và anh M sinh ngày

20/01/1976, họ tên đăng ký kết hôn của anh M là Đỗ Hữu M. Tuy nhiên, tại Căn cước công dân của chị P lại ghi chị Đỗ Thị P, sinh ngày 18/05/1977, Căn cước công dân của anh M ghi là Bùi Hữu M, sinh ngày 27/10/1977. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn có nhầm lẫn tên và năm sinh của anh M từ Bùi Hữu M, sinh ngày 27/10/1977 thành Đỗ Hữu M, sinh ngày 20/01/1976, nhầm lẫn ngày sinh của chị P từ Đỗ Thị P sinh ngày 18/05/1977 thành Đỗ Thị P sinh ngày 05/08/1977. Tại thời điểm đó chị P đã đủ tuổi đăng ký kết hôn, nhưng anh M mới chỉ 18 tuổi 10 tháng 28 ngày. Theo quy định tại Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có quy định: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*”. Đối chiếu với quy định trên thì thấy rằng UBND xã H3 đã thực hiện đăng ký kết hôn cho anh Bùi Hữu M và chị Đỗ Thị P là trái quy định của pháp luật. Vậy nên, UBND xã H3 căn cứ vào quy định tại Điều 10 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Hữu M và chị Đỗ Thị P.

Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh M và chị P trình bày: Anh, chị thừa nhận việc đăng ký kết hôn vi phạm Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc và đã có với nhau 02 con chung. Cho đến thời điểm hiện tại thì anh chị cũng đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, nên anh M và chị P đều đề nghị Tòa án nhân dân huyện K công nhận hôn nhân hợp pháp cho anh chị kể từ ngày anh M đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Tại phiên họp hôm nay: Đại diện theo pháp luật của UBND xã H3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mạnh, chị Phòng, người làm chứng là bà Nguyễn Thị P1 đều vắng mặt có lý do. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp bình thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khoái Châu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 8; Khoản 2, 3 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 58, ngày 25/09/1996 (quyển số 01/1996) của Ủy ban nhân dân xã H3; Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Hữu M và chị Đỗ Thị P là hợp pháp kể từ ngày 28/10/1996; UBND xã H3 không phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện K thấy rằng:

[1]. Về thủ tục tố tụng: UBND xã H3 có công văn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Hữu M và chị Đỗ Thị P, vì tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Bùi Hữu M chưa đủ tuổi theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, do các đương sự có cùng địa chỉ tại huyện K, cơ quan đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân xã H3. Nên thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét yêu cầu của UBND xã H3, huyện K:

Anh M và chị P kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H3, huyện K đăng ký kết hôn; Căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được thì thấy rằng: Anh Bùi Hữu M, sinh ngày 27/10/1977 (theo Căn cước công dân do Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/08/2022) đến ngày 25/09/1996 anh M đăng ký kết hôn với chị P thì anh M mới được 18 tuổi 10 tháng 28 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 (Luật điều chỉnh tại thời điểm anh chị kết hôn) là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác, Giấy đăng ký kết hôn số 58, ngày 25/09/1996 còn nhầm lẫn họ của anh Mạnh từ Bùi Hữu M thành Đỗ Hữu M, nhầm lẫn ngày tháng sinh của chị Phòng từ Đỗ Thị P sinh ngày 18/05/1977 thành Đỗ Thị P sinh ngày 05/08/1977. Nên cần hủy Giấy đăng ký kết hôn số: 58, ngày 25/09/1996 đối với anh Bùi Hữu M, sinh ngày 27/10/1977 và chị Đỗ Thị P sinh ngày 18/05/1977

[3]. Xét đề nghị của anh M, chị P:

Mặc dù anh M và chị P kết hôn khi anh M thiếu tuổi và bị nhầm họ anh M từ Bùi sang Đỗ, nhầm ngày sinh của chị P, nhưng sau khi đăng ký kết hôn, anh M và chị P chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ đó cho đến nay và đã có 02 con chung. Quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình, anh M và chị P khai rằng do nhận thấy tầm quan trọng của việc phải thống nhất các thông tin dữ liệu cá nhân trong việc thực hiện các thủ tục hành chính mà việc đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa anh chị đã gây khó khăn cho anh chị trong quá trình thực hiện những việc này. Vì vậy, anh M, chị P cũng đồng ý với đề nghị của Ủy ban nhân dân xã H3 về việc hủy Giấy đăng ký kết hôn số: 58 ngày 25/09/1996 đồng thời anh chị thống nhất đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp kể từ anh M đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT -TANDTC-VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn: “*Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau: “a. Nếu hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn.”*”

Căn cứ vào quy định trên xét thấy tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu của UBND xã H3 thì chị P đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 5 của Luật hôn

nhân và gia đình năm 1986. Nên cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Hữu M, sinh ngày 27/10/1977 và chị Đỗ Thị P, sinh ngày 18/05/1977 là hôn nhân hợp pháp kể từ ngày anh Bùi Hữu M từ 20 tuổi trở lên tức là ngày 28 tháng 10 năm 1996.

[3]. Về lệ phí: UBND xã H3 không phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 8; Khoản 2, 3 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã H3, huyện K, tỉnh H.

Hủy Giấy chứng nhận kết hôn số: 58 ngày 25/09/1996 của Ủy ban nhân dân xã H3.

3. Chấp nhận đề nghị của anh Bùi Hữu M và chị Đỗ Thị P.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Hữu M, sinh ngày 27/10/1977 và chị Đỗ Thị P sinh ngày 18/05/1977 kể từ ngày 28/10/1996.

4. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Ủy ban nhân xã H3, huyện K không phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

5. Về quyền kháng cáo: Cơ quan yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HY;
- VKS ND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K/C.
- Ủy ban nhân dân xã H3;
- Đương sự;
- Lưu HS +VP.

Nguyễn Thị Thu H1